

Số: 01 /KH-UBND

Hòa Bình, ngày 08 tháng 01 năm 2018

KẾ HOẠCH

Tình giảm biên chế hành chính, sự nghiệp và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình năm 2018 theo quy định của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP

Căn cứ Nghị quyết 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tình giảm biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tình giảm biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tình giảm biên chế; Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chủ trương tình giảm biên chế;

Sau ba năm nghiêm túc triển khai thực hiện tình giảm biên chế tỉnh Hòa Bình đã tình giảm được 905 biên chế đạt tỉ lệ 2,78% so với biên chế được giao năm 2015 (năm 2015 tình giảm 180 người; năm 2016 tình giảm 201 người; năm 2017 tình giảm 524 người). Số biên chế tình giảm được chưa đảm bảo chỉ tiêu đặt ra do một số cơ quan đơn vị chưa thực hiện tốt kế hoạch tình giảm biên chế của tỉnh đề ra.

Để thực hiện đúng chỉ tiêu của Đề án đã được phê duyệt tại Quyết định 1851/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình và Công văn số 6432/BNV-TCBC ngày 08/12/2017 của Bộ Nội vụ về việc thẩm định số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập năm 2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Kế hoạch tình giảm biên chế năm 2018, cụ thể như sau:

1. Mục đích

Tình giảm biên chế nhằm đưa ra khỏi biên chế những người dôi dư, không đáp ứng được yêu cầu công việc, không thể tiếp tục bố trí sắp xếp công tác khác và giải quyết chế độ, chính sách đối với những người thuộc diện tình giảm biên chế. Tỷ lệ tình giảm biên chế tại các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố năm 2018 tối thiểu đạt 2,5% so với biên chế được giao năm 2015.

2. Yêu cầu

2.1. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân trong quá trình thực hiện tình giảm biên chế.

2.2. Việc tinh giản biên chế phải được tiến hành trên cơ sở rà soát, sắp xếp lại tổ chức và thực hiện đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng không xác định thời hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2.3. Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật.

2.4. Phải đảm bảo chi trả chế độ, chính sách tinh giản biên chế kịp thời, đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

2.5. Người đứng đầu phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý theo thẩm quyền.

3. Nội dung thực hiện

3.1. Về tổ chức bộ máy

- Chủ động rà soát, sửa đổi và bãi bỏ các quy định về tổ chức, bộ máy và biên chế trong các văn bản pháp luật hiện hành thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành không thuộc lĩnh vực tổ chức Nhà nước.

- Tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đặc biệt là sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp (các trung tâm, trường học, bệnh viện, Ban quản lý dự án), các Ban chỉ đạo theo hướng thu gọn đầu mối, giảm bớt khâu trung gian, quản lý đa ngành đa lĩnh vực, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Không thành lập các tổ chức trung gian, chỉ thành lập tổ chức mới theo quy định của cơ quan có thẩm quyền hoặc trong trường hợp cá biệt thật sự cần thiết do yêu cầu thực tiễn nhưng sẽ không giao thêm biên chế và phải tự chủ về kinh phí hoạt động theo Nghị quyết lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

- Kịp thời ban hành các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

- Đánh giá, phân loại các cơ quan hành chính đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý, nâng cao chất lượng công vụ và cung ứng dịch vụ công.

- Từ năm 2018 chuyển một số đơn vị sự nghiệp công lập sang tự chủ một phần, tự chủ hoàn toàn biên chế và kinh phí hoạt động; chuyển một số đơn vị sự nghiệp sang cổ phần hóa nếu có đủ điều kiện.

3.2. Về tinh giản biên chế

- Tăng cường công tác tuyên truyền về chủ trương tinh giản biên chế: Tổ chức triển khai, quán triệt tinh thần *Chỉ thị số 46-CT/TU ngày 26/6/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 29/01/2016 về việc thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Quyết định số 2218/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày*

05/5/2016 và Quyết định 1851/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình đến mọi cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

- Kịp thời tinh giản số biên chế dôi dư do rà soát, sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp công lập, các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh; biên chế dôi dư do thay đổi quy mô trường lớp, do sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tinh giản đối với số công chức, viên chức không đạt tiêu chuẩn chuyên môn quy định, năng lực yếu, không đảm bảo sức khỏe theo quy định, không đáp ứng yêu cầu công tác thông qua đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức hàng năm; đổi mới việc đánh giá công chức, viên chức; đổi với công chức cấp xã, tinh giản những vị trí có từ hai người trở lên.

- Từng cơ quan, đơn vị, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện phải nghiêm túc tổ chức thực hiện tinh giản biên chế đảm bảo số lượng được giao. Hàng năm các cơ quan, đơn vị phải xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế, trong đó phải xác định rõ tỷ lệ tinh giản biên chế đối với từng đơn vị trực thuộc; đối với các cơ quan, đơn vị đã xây dựng đề án tinh giản biên chế nhưng kết quả thực hiện còn thấp, cần có giải pháp cụ thể để đạt được mục tiêu đề ra. Trường hợp cơ quan, đơn vị không thực hiện hoặc thực hiện không đảm bảo số lượng tinh giản đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sẽ không xem xét khen thưởng năm 2018, thực hiện việc trừ điểm chỉ số cải cách hành chính; mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tập thể và người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Từ năm 2018, cơ quan quản lý biên chế sẽ thực hiện cắt giảm biên chế hàng năm từ 1,5 đến 3% biên chế so với biên chế được giao năm 2015 đảm bảo đến năm 2021 tinh giản đạt 10% chỉ tiêu được giao theo quy định.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả biên chế cán bộ, công chức, viên chức.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với việc thực hiện tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ chuyên trách cấp xã khi hết nhiệm kỳ mà không đủ điều kiện tái cử.

- Thực hiện nghiêm các chế độ, chính sách nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định pháp luật.

3.3. Số lượng tinh giản biên chế năm 2018

Tổng số công chức hành chính, viên chức sự nghiệp, cán bộ, công chức cấp xã, Hợp đồng lao động theo nghị định số 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ tinh giản năm 2018 là 719 người, cụ thể:

- Công chức hành chính: 35 người;

- Viên chức sự nghiệp: 553 người;

- Cán bộ, công chức cấp xã: 103 người;
- Hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 28 người.

(Có phụ lục kèm theo)

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Sở Nội vụ có trách nhiệm

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định danh sách đối tượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị định kỳ 6 tháng một lần (2 lần/năm).

- Phối hợp với sở Tài chính tổng hợp, lập danh sách và dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế của tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính.

- Phối hợp với Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh thẩm định hồ sơ, chi trả kinh phí cho các đối tượng tinh giản biên chế.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ tình hình thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế năm 2018 của các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

4.2. Sở Tài chính có trách nhiệm

- Phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn thẩm định danh sách đối tượng tinh giản biên chế theo định kỳ 6 tháng một lần (2 lần/năm).

- Thẩm định dự toán kinh phí tinh giản biên chế các cơ quan, đơn vị, tổng hợp dự toán báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính để giải quyết theo quy định.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị về quy trình lập dự toán, cấp phát, quản lý và quyết toán kinh phí thực hiện.

4.3. Bảo hiểm xã hội tỉnh có trách nhiệm

- Tiếp nhận danh sách, hồ sơ, ưu tiên giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội đối với các trường hợp tinh giản biên chế.

- Chỉ đạo và hướng dẫn Bảo hiểm xã hội các huyện, thành phố thực hiện giải quyết kịp thời các công việc có liên quan như: tiếp nhận danh sách, hồ sơ, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội và chốt sổ bảo hiểm xã hội đối với các trường hợp tinh giản biên chế theo thẩm quyền.

4.4. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức Hội có trách nhiệm

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến quán triệt đến mọi cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền quản lý về chủ trương, chính sách, chế độ tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế cụ thể trong tháng 02/2018 để tổ chức thực hiện.

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch tinh giản biên chế đảm bảo đúng nguyên tắc và quy trình quy định; đúng số lượng, tỷ lệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Kịp thời chi trả kinh phí cho các đối tượng tinh giản của cơ quan, đơn vị theo quy định.

- Định kỳ tổng hợp kết quả, đánh giá tình hình thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2018 của cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ trước ngày 30/11/2018 để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ theo quy định.

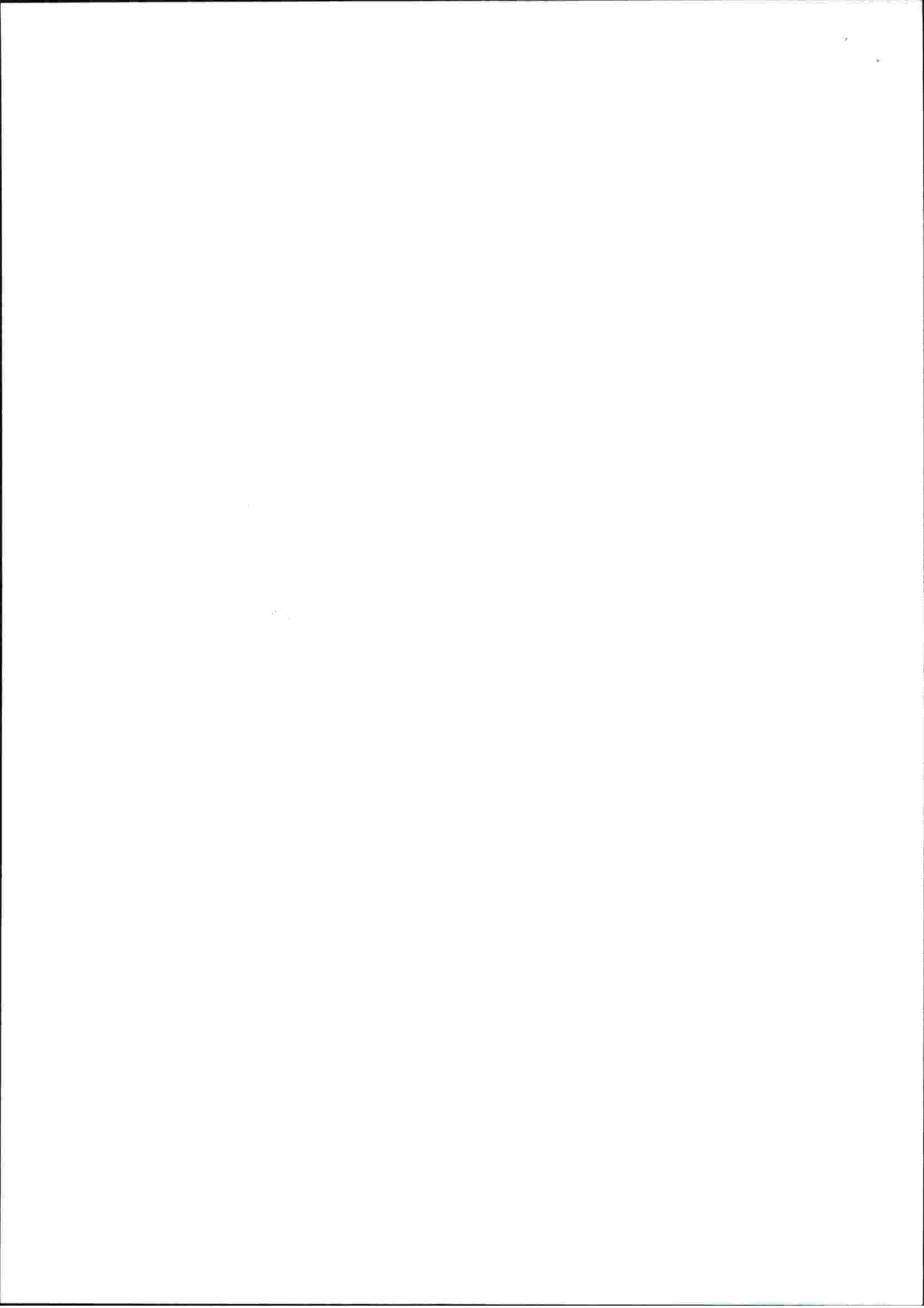
Đề nghị các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, nghiêm túc triển khai thực hiện theo đúng Kế hoạch./

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- BHXH tỉnh;
- Các tổ chức Hội;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh
- Lưu: VT, NC (V80b)



Nguyễn Văn Quang



PHỤ LỤC TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ NĂM 2018

(Kèm theo Kế hoạch số : *01* /KH-UBND ngày *08* tháng *01* năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

STT	Tên đơn vị	Tổng số người dự kiến tính giản năm 2018	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>		<i>5</i>
	TỔNG CỘNG	697	
I	UBND các huyện, thành phố	525	
1	UBND huyện Lạc Sơn	46	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp	30	
	Cấp xã	13	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	2	
2	UBND huyện Kỳ Sơn	40	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp	33	
	Cấp xã	5	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	1	
3	UBND huyện Tân Lạc	46	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp	32	
	Cấp xã	11	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	2	
4	UBND huyện Mai Châu	43	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp	31	
	Cấp xã	9	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	2	
5	UBND huyện Lương Sơn	51	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp	38	
	Cấp xã	10	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	2	

6	UBND huyện Đà Bắc	39	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp	27	
	Cấp xã	9	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	2	
7	UBND huyện Lạc Thủy	86	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp	76	
	Cấp xã	7	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	2	
8	UBND huyện Yên Thủy	54	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp	45	
	Cấp xã	7	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	1	
9	UBND huyện Cao Phong	30	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp	22	
	Cấp xã	6	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	1	
10	UBND thành phố Hòa Bình	17	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp	0	
	Cấp xã	14	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	2	
11	UBND huyện Kim Bôi	73	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp	58	
	Cấp xã	12	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	2	
II	Các Sở, Ban, ngành	172	
1	Sở Nội vụ	1	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp khác	0	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	

2	Sở Tư pháp	2	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp khác	1	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp khác	0	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
4	Sở Tài chính	1	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp khác	0	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
5	Sở Công Thương	3	
	Quản lý hành chính	2	
	Sự nghiệp khác	1	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	16	
	Quản lý hành chính	6	
	Sự nghiệp khác	8	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	2	
7	Sở Giao thông vận tải	2	
	Quản lý hành chính	2	
	Sự nghiệp khác	0	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
8	Sở Xây dựng	1	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp khác	0	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	3	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp khác	2	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
10	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	22	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp khác	19	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	2	

11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	21	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp VHNTTT	20	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
12	Sở Khoa học và Công nghệ	2	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp khác	1	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	34	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp GDĐT	31	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	2	
14	Sở Y tế	54	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp y tế, giáo dục	50	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	3	
15	Thanh tra tỉnh	1	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp khác	0	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
16	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	3	
	Sự nghiệp Văn hóa thông tin truyền thông	3	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
17	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh	1	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp	0	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
18	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	2	
	Quản lý hành chính	1	
	Sự nghiệp	1	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
19	Sở Thông tin và Truyền thông	1	
	Quản lý hành chính	0	
	Sự nghiệp	1	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	
20	Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh	1	
	Sự nghiệp khác	1	
	Hợp đồng theo Nghị định 68/CP	0	